TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN GÒ CÔNG TÂY **Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

TỈNH TIỀN GIANG

Bản án Số: 03/2021/KDTM-ST

Ngày: 21-5-2021.

V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY- TỈNH TIỀN GIANG

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thanh Trinh.

- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 22/3/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐST-KDTM ngày 05/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐST-KDTM ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: đường N, Phường A, Quận B, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G. Chức vụ: Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần S. Đại diện ngân hàng thương mại cổ phần S theo giấy ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần S về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng. Địa chỉ: số A, đường Đ, Phường B, thành phố M, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của ông Giỏi có chị: Võ Thị Thanh N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số C, đường V, phường D, thị xã G, tỉnh T.

*Bị đơn:

- Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1971.

- Phạm Văn S, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

(Chị N có mặt, chị L và anh S vắng mặt)

NHẬN THẤY

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chị N trình bày:*

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 00824-00245 ký ngày 09/01/2020 giữa ngân hàng thương mại cổ phần S với bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn S, theo đó ngân hàng cho bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn S vay số tiền 50.000.000 đồng như sau:

Ngày vay: 09/01/2020.

Thời hạn vay: 09 tháng.

Phương thức nợ: Vốn lãi trả góp đều hàng ngày.

Ngày đáo hạn: 09/10/2020.

Lãi suất: 20,4%/năm.

Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh đồng hồ.

Tài sản bảo đảm: Khách hàng vay tín chấp nên không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 09/01/2020, bà L và ông S đã thanh toán vốn lãi đến ngày 10/8/2020, kể từ đó đến nay bà L và ông S ngưng không thanh toán cho ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện cho bà L và ông S nhưng bà L và ông S vẫn không có thiện chí trả nợ.

Như vậy, đến hết ngày 05/3/2021 bà L và ông S đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng số tiền vốn là 39.039.500 đồng, tiền lãi là 4.744.500 đồng.

Đến hết ngày 05/3/2021, bà L, ông S còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn là 10.960.500 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 2.912.500 đồng, như vậy tính đến ngày 05/3/2021 bà L và ông S còn nợ ngân hàng tổng số tiền theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 13.873.000 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng trên thì bà L và S đã vi phạm điều khoản cam kết đã ký, nhiều lần không thực hiện các nghĩa vụ trả nợ, mặc dù ngân hàng đã trao đổi, động viên tạo điều kiện cho bà L và ông S thực hiện trả nợ.

Nay ngân hàng yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn S phải trả ngay cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn là 10.960.500 đồng, tiền lãi theo hợp đồng lãi 2.912.500 đồng, tổng cộng số tiền phải thanh toán tạm tính đến ngày 05/3/2021 là 13.873.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Sau ngày 05/3/2021, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Văn S chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng tín dụng trên, cho đến khi trả hết nợ.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Phạm Văn S vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L, ông S vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng vẫn giữ nguyên lời trình bày, đồng thời trong quá trình tòa án thụ lý thì bà L, ông S có trả tiếp cho ngân hàng số tiền gốc, cụ thể ngày 26/3/2021 bà L, ông S trả được số tiền gốc là 421.000đồng, ngày 09/4/2021 trả được số tiền gốc là 631.500đồng, ngày 22/4/2021 trả được số tiền gốc là 842.000đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bà L, ông S trả tiếp số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2021 là 9.066.000đồng vốn và lãi là 2.912.500đồng, tổng cộng là 11.978.500 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đối với bà L, ông S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L, ông S vắng mặt không tham gia phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà L, ông S.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu: bà L, ông S trả số tiền vốn 9.066.000 đồng, lãi là 2.912.500 đồng, tổng cộng là 11.978.500 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh đồng hồ, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng được xem xét giải quyết theo Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo quy định tại Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Đại diện ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bà L, ông S trả số tiền nợ gốc hiện tại là 9.066.000 đồng, tiền lãi còn phải thanh toán là 2.912.500 đồng, tổng cộng phải thanh toán là 11.978.500 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu trên của ngân hàng là có cơ sở, bởi lẻ bà L, ông S đã xác lập Hợp đồng tín dụng để vay vốn với ngân hàng thương mại cổ phần S nhưng bà L, ông S đã không thực hiện đúng hợp đồng, đã vi phạm thời gian trả vốn và lãi cho ngân hàng, đến ngày 10/8/2020 thì bà L, ông S ngưng đóng lãi cho ngân hàng, kể từ đó bà L, ông S ngưng không thanh toán cho ngân hàng. Ngân hàng đã có làm việc nhắc nhở, nhưng bà L, ông S vẫn không trả nợ. Như vậy, tính đến ngày 05/3/2021 là ngày ngân hàng gởi đơn khởi kiện thì ngân hàng chốt lại số tiền bà L, ông S đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền vốn là 39.039.500 đồng, tiền lãi là 4.744.500 đồng, tính đến ngày 05/3/2021 bà L, ông S còn nợ ngân hàng tổng cộng số tiền theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 13.873.000 đồng, Sau đó bà L, ông S có trả tiếp cho ngân hàng số tiền, tính đến

ngày 22/4/2021 vốn là 842.000đồng, không trả lãi. Như vậy số tiền vốn gốc bà L, ông S đã trả tính từ ngày 10/01/2020 đến ngày 22/4/2021 là 40.934.000 đồng, lãi là 4.744.500 đồng, bà L, ông S còn nợ ngân hàng số tiền vốn tính đến ngày 21/5/2021 là 9.066.000 đồng, lãi là 2.912.500 đồng, tổng cộng còn phải thanh toán cho ngân hàng là 11.978.500 đồng. Từ những phân tích trên, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

[4] Về án phí KDTMST: Bà L, ông S phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp do yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Phạm Văn S có nghĩa vụ trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 11.978.500 đồng (Mười một triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng, trong đó gồm số tiền vốn là 9.066.000 đồng, tiền lãi là 2.912.500 đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà L, ông S chậm trả số tiền nêu trên thì bà L, ông S còn phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 00824-00245 ngày 09/01/2020 mà bà L, ông S đã ký kết với ngân hàng cho đến khi bà L, ông S trả xong nợ.

2.Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Phạm Văn S cùng phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại.

Hoàn lại cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017235 ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà L, ông S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thanh Trinh